

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2018/HNGĐ-ST

Ngày 13-6-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hoàng Phúc

Ông Nguyễn Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Em – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu B.

Địa chỉ: Khu vực 5, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Trương Văn G.

Địa chỉ: Khu vực 5, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thu B trình bày:

Chị B và anh G tiến tới hôn nhân vào năm 1992, không có đăng ký kết theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hòa hợp, không cùng

quan điểm sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn, nay chị B yêu cầu được ly hôn với anh G.

Tài sản chung; Nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về con chung: Có 03 con chung, 02 người đã trưởng thành, chị B yêu cầu được nuôi cháu Trương Mỹ N, sinh ngày 02/5/2006, không yêu cầu anh G cấp dưỡng.

Tại phiên tòa chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu và các lời khai Bn đầu.

Bị đơn Trương Văn G trình bày: Thống nhất với phần trình bày của chị B về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, tài sản và con chung. Anh G không đồng ý ly hôn với chị B, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Còn con chung tên Trương Mỹ N sinh ngày 02/5/2006, anh G không đồng ý giao cháu N cho chị B nuôi dưỡng, anh G yêu cầu được nuôi cháu N.

Tại phiên tòa bị đơn vẫn giữ nguyên các lời khai Bn đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về việc ly hôn và nuôi con. Tranh chấp này được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu B và anh Trương Văn G tiến tới hôn nhân vào năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 thì việc kết hôn của chị B và anh G không có giá trị pháp lý.

[3] Về yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị B: Trong quá trình chung sống chị B và anh G có 03 con chung gồm Trương Mỹ T và Trương Minh Th 02 đã trưởng thành, còn người con thứ 3 tên Trương Mỹ N, sinh ngày 02/5/2006, giới tính nữ, chị B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu N từ nhỏ đến nay luôn sống chung với chị B, hơn nữa cháu N là nữ lại có nguyện vọng được sống với chị B khi chị B và anh G ly hôn. Ngoài ra, hiện tại chị B có nghề Nếp và thu nhập tương đối ổn định, có đủ khả năng nuôi dưỡng con chung. Sau khi cân nhắc việc đảm bảo quyền lợi của cháu N sau khi cha mẹ ly hôn về các mặt vật chất, tình cảm và điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định giao cháu Trương Mỹ N cho chị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh G chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung

do chị B chưa yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thu B phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 và Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986.

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 16, 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận chị Nguyễn Thu B và anh Trương Văn G là vợ chồng.

2. Chị Nguyễn Thu B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Mỹ N, sinh ngày 02/5/2006 (Giới tính: Nữ). Anh Trương Văn G chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thu B chưa yêu cầu. Anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thu B phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0016004 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh. Chị B không phải nộp thêm.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- THADS TP Vị Thanh;
- Dương sự;
- UBND phường VII;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Trinh